

Bản án số: 19 /2019/HNGĐ-ST

19 - 7 - 2019.

(V/v ly hôn giữa chị T và anh Ti).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đán Văn Đường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Trần Thị Lâm**

2. Bà **Lục Thị Nhung**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Diễm** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hồng Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1146/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị T**- Sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Tổ 05, Thị Trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh H, Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do. (có mặt).

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th**- Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 05, Thị Trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh H. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do.( vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị T Trình bày: chị và anh Nguyễn Văn Th, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2011, tại UBND thị Trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh H. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hòa Tấn hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cố duy trì vợ chồng cũng không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/6/2012. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu cho anh Th được nuôi dưỡng và giáo dục chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ghi ngày 24-6-2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị Dương thị T từ năm 2011 có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2011, tại UBND thị Trấn Nông Trường L, huyệnV, tỉnh H. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hòa Tận hạnh phúc đến khoảng thời gian năm 2016, thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau, nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T, anh cũng thừa nhận mâu Tẫn vợ chồng có xảy ra nhiều năm nay cố duy trì cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/6/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 24/6/2019, anh Nguyễn Văn Th không thay đổi quan điểm như bản tự khai anh đã trình bày, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnV, tỉnh H phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử:* Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định từ cách pháp lý những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, T thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;*

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến ngày 24/6/2019, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn Th được ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu là Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/6/2012 cho anh Nguyễn Văn Th được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. **Về tố tụng:** Đơn khởi kiện của chị Dương Thị T, về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Th được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, T thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành hòa giải về phần nuôi con chung, án phí; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn Th có kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2011, tại UBND thị trấn Nông Trường L, huyện V tỉnh H. là hôn nhân hợp pháp đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000, vợ chồng sống hòa Tận hạnh phúc trong thời gian đầu, mâu Tẫn phát sinh là do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau nên dẫn đến việc xin ly hôn. Tại phiên Tòa chị T xác định mâu Tẫn vợ chồng hiện nay là trầm trọng không có khả năng khắc phục được, có khắc phục vợ chồng cũng không có hạnh phúc nên chị T đề nghị được ly hôn, anh Th cũng nhất trí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì:

*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. *Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Tòa án xét thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng là thực sự trầm trọng, vợ chồng đã thỏa thuận và nhất trí việc ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau. Do vậy, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh Th, chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình .

[3]. **Về con chung:** Quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/6/2012, hiện nay cháu đang ở với anh Th tại Tổ 05, Thị trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh H. Sau khi ly hôn chị T nhất trí giao cháu cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh Th cũng có nguyện vọng được nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi

Tòa án xét thấy việc thỏa thuận giao nuôi con chung của chị T và anh Th là tự nguyện, không bị ép buộc phù hợp điều kiện kinh tế và nơi ăn ở của cháu. Nhằm ổn định nơi ăn ở học hành cho cháu L hiện nay, cần giao cháu L cho anh Nguyễn Văn Th được nuôi dưỡng và giáo dục kể từ 19 /7/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi .

- Về khoản cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng, do vậy chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về Tài sản, công nợ chung: các đương sự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326 /2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức T miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử: cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Th

## **2. Về con chung:**

- Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/6/2012 cho anh Nguyễn Văn Th được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 19 - 7 - 2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại các điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

**3. Về án phí:** Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số: 02303 ngày 10 tháng 4 năm 2019. (Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.)

**4. Quyền kháng cáo:** Chị Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Điều kiện thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đán Văn Đường**

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

**Các thành viên HĐXX**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lục Thị Nhung**

**Trần Thị Lâm**

**Đán Văn Đường**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyệnV;
- Chi cục THADS huyệnV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đán Văn Đường**

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

**Các thành viên HĐXX**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lục Thị Nhung**

**Phùng Ngọc Tuấn**

**Đán Văn Đường**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyệnV;
- Chi cục THADS huyệnV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đán Văn Đường**

*Các Hội thẩm nhân dân*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*

**Hoàng Văn Chiến**

**Trần Thị Hoài**

**Đán Văn Đường**



**Nơi nhận:**

- VKSND huyệnV;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyệnV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Văn Đàm**